

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

**Báo cáo tài chính riêng năm 2024 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 23/12/2024 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty: Mua bán xe ô tô, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị; dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô, xe gắn máy và máy móc thiết bị.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 19 là: 956.538.590.000 đồng

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2024: 956.538.590.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Trần Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Trần Quang Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30/6/2024

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 03/12/2024
Ông Trần Lâm	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 03/12/2024 /miễn nhiệm ngày 03/01/2025

Ban kiểm soát gồm:

Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Bà Trần Thị Ân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30/6/2024

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Nghị quyết HĐQT số: 03/2025/NQHĐQT-CTF ngày 03/01/2025 về việc chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của ông Trần Lâm và bổ nhiệm ông Trần Quang Trí giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần City Auto.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng năm 2024 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NGỌC DÂN

Số: 276.R/2024/DFK - BCKiT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần City Auto**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



A blue ink signature, likely of the auditor, written in a cursive style.

Nguyễn Lương Nhân
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0182-2023-042-1

Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1756-2023-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		817.971.355.118	934.196.354.353
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	9.079.421.336	27.998.841.626
1. Tiền	111		9.079.421.336	27.998.841.626
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		680.314.564.457	650.506.376.025
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	158.543.073.419	292.979.193.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	124.841.587.245	116.567.994.696
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	396.817.305.082	240.866.489.341
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	112.598.711	92.698.139
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	124.560.798.753	242.217.359.679
1. Hàng tồn kho	141		124.560.798.753	242.217.359.679
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		4.016.570.572	13.473.777.023
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	3.986.220.211	1.961.323.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	30.350.361	11.512.453.732
B. Tài sản dài hạn	200		1.280.266.714.425	1.251.036.549.850
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		4.464.903.073	94.859.903.073
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	-	16.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	4.464.903.073	78.659.903.073
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		99.595.375.700	101.688.867.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	14.755.651.267	16.566.699.668
- Nguyên giá	222		37.250.269.371	39.498.205.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.494.618.104)	(22.931.505.995)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.839.724.433	85.122.167.941
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.357.480.190)	(1.075.036.682)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		937.100.660	223.045.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	937.100.660	223.045.455
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.11	1.168.047.465.560	1.045.517.923.639
1. Đầu tư vào công ty con	251		887.256.000.000	689.080.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.000.000.000	26.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		112.200.000.000	153.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.408.534.440)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		147.000.000.000	177.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		7.221.869.432	8.746.810.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	7.221.869.432	8.746.810.074
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.098.238.069.543	2.185.232.904.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.012.355.101.047	1.182.080.202.704
I. Nợ ngắn hạn	310		813.555.101.047	899.080.202.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	31.416.434.170	14.632.996.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.634.203.138	78.917.339.505
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10.244.766.805	950.309.305
4. Phải trả người lao động	314		4.088.829.550	4.087.344.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.555.693.957	6.611.996.978
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.760.966.044	18.821.093.702
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	748.549.274.368	774.336.544.068
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	304.933.015	722.578.455
II. Nợ dài hạn	330		198.800.000.000	283.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.800.000.000	33.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	190.000.000.000	250.000.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	1.085.882.968.496	1.003.152.701.499
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.085.882.968.496	1.003.152.701.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		956.538.590.000	893.964.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		956.538.590.000	893.964.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		107.187.511.696	87.031.204.699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.457.244.699	1.029.541.705
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		82.730.266.997	86.001.662.994
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.098.238.069.543	2.185.232.904.203

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính riêng

Trương Thị Hồng Vân
 Người lập biểu
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Phú
 Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.218.256.752.489	3.063.785.928.240
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		70.135.033.115	102.802.326.681
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	VI.01	3.148.121.719.374	2.960.983.601.559
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.983.603.897.410	2.790.283.150.066
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		164.517.821.964	170.700.451.493
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	151.231.902.757	108.485.715.952
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	79.724.901.689	55.633.787.982
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.316.222.403	55.597.405.332
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	117.052.059.261	115.399.095.397
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	36.495.670.585	30.717.124.841
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.477.093.186	77.436.159.225
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	12.907.563.024	9.193.228.400
12.	Chi phí khác	32	VI.08	6.885.984.262	223.017.859
13.	Lợi nhuận khác	40		6.021.578.762	8.970.210.541
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88.498.671.948	86.406.369.766
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5.768.404.951	404.706.772
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		82.730.266.997	86.001.662.994

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính riêng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.498.671.948	86.406.369.766
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.685.556.735	4.210.493.350
Các khoản dự phòng	03	4.408.534.440	(3.570.151.900)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(153.758.987.953)	(109.565.344.455)
Chi phí lãi vay	06	75.316.222.403	55.597.405.332
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.149.997.573	33.078.772.093
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	158.245.246.836	(172.237.066.022)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	117.656.560.926	(53.581.927.806)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(88.012.364.502)	35.072.581.451
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(499.956.278)	(3.360.132.515)
Tiền lãi vay đã trả	14	(76.187.742.597)	(55.989.584.182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(404.706.772)	(12.046.217.946)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(417.645.440)	(991.267.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	128.529.389.746	(230.054.842.926)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(6.364.332.550)	(5.890.768.776)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	6.585.297.715	2.265.454.545
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(205.376.000.000)	(398.900.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	89.403.700.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.089.794.499	35.651.232.912
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.661.540.336)	(366.874.081.319)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	57.013.155.000
Tiền thu từ đi vay	33	2.874.423.917.440	2.915.867.334.630
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.960.211.187.140)	(2.368.802.186.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(85.787.269.700)	604.078.303.034
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(18.919.420.290)	7.149.378.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.998.841.626	20.849.462.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.079.421.336	27.998.841.626

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính riêng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2024

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 19 ngày 23/12/2024 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 226 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 283 người).

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

➤ Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005.
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-007.

➤ Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 07 công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	100%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Thương mại – dịch vụ	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô DVTM-08, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	99,00%	99,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chi tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty không đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính do không có gốc ngoại tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung cho công nhân viên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí khác không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

19. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	240.260.676	764.154.615
Tiền gửi ngân hàng	8.839.160.660	27.234.687.011
Cộng	9.079.421.336	27.998.841.626
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	218.399.934	32.036.058.022
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (bên liên quan)	1.583.604.433	4.914.322.146
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	1.682.785.935	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên (bên liên quan)	300.000.000	468.158.348
- Công ty Cổ phần Auto Bình Phước (bên liên quan)	7.955.010	-
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An – Bình Dương (bên liên quan)	1.279.654.289	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	11.007.048.336	-
- Công Ty Cổ Phần Daf Group	18.575.750.001	16.938.360.000
- Công Ty Cổ Phần Easy Car	40.801.408.138	137.073.771.705
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% phải thu khách hàng)	83.086.467.343	101.548.523.628
Cộng	158.543.073.419	292.979.193.849
3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Minh Long	123.594.379.437	115.405.616.926
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	300.000.000	100.000.000
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	947.207.808	1.062.377.770
Cộng	124.841.587.245	116.567.994.696
b) Dài hạn		
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	-	16.200.000.000
Cộng	-	16.200.000.000
4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	396.817.305.082	240.866.489.341
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	7.812.692.435	1.902.600.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	20.031.572.772	41.622.126.909
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (bên liên quan)	5.348.595.214	4.285.413.068
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	3.528.349.500	569.149.500
- Phải thu khác Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)	3.167.130.686	1.768.974.686
- Phải thu khác Công ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	300.000.000	-
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	21.214.406.153	40.081.992.537
- Phải thu vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	14.204.590.000
- Phải thu khác Công ty CP Easy Car	7.258.557.079	7.138.141.917
- Phải thu khác Công ty Cổ phần DAF Group	21.284.976.712	8.590.958.904
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason	3.696.300.000	-
- Phải thu khác Công ty TNHH Minh Long	16.472.859.796	8.717.666.720
- Ký quỹ ngắn hạn cho Công ty TNHH Minh Long	137.160.000.000	65.160.000.000
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	4.319.850.000	1.547.025.167
- Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	76.671.721.000	26.020.000.000
- Phải thu khác ông Lê Đức Hòa	30.437.923.639	-
- Các khoản phải thu khác	23.907.780.096	19.257.849.933

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Phải thu khác (tiếp theo)	Số cuối năm	Số đầu năm
b) Dài hạn	4.464.903.073	78.659.903.073
- Ký quỹ thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Minh Long	-	72.000.000.000
- Phải thu khác dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	-	2.000.000.000
- Các khoản phải thu khác	4.464.903.073	4.659.903.073
Tổng cộng	401.282.208.155	319.526.392.414

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Hàng tồn kho tại:				
- Kho Hồ Chí Minh	98.612.814	-	92.698.139	-
- Kho Vũng Tàu	13.985.897	-	-	-
Cộng	112.598.711	-	92.698.139	-

6. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	60.430.129	-	79.216.204	-
Chi phí sản xuất dở dang	5.094.178.576	-	4.413.372.690	-
Hàng hóa (6.1)	119.406.190.048	-	237.724.770.785	-
Cộng	124.560.798.753	-	242.217.359.679	-

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:	Số cuối năm	Số đầu năm
Xe các loại	84.663.204.538	200.822.243.945
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	22.894.308.284	25.576.120.084
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	3.295.691.269	3.953.606.709
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	8.552.985.957	7.372.800.047
Cộng	119.406.190.048	237.724.770.785

7. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	54.126.111	212.213.365
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	3.932.094.100	1.749.109.926
Cộng	3.986.220.211	1.961.323.291
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.409.641.414	2.500.528.890
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất chờ kết chuyển	7.000.000	-
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	5.805.228.018	6.246.281.184
Cộng	7.221.869.432	8.746.810.074

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.779.688.456	-	240.000.000	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	9.930.807.868	577.421.818	511.110.000	9.997.119.686
Phương tiện vận tải	19.823.534.546	5.072.855.527	7.147.103.637	17.749.286.436
Thiết bị, dụng cụ quản lý	964.174.793	-	-	964.174.793
Cộng	39.498.205.663	5.650.277.345	7.898.213.637	37.250.269.371
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.559.688.455	23.333.330	43.333.329	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	7.182.795.171	601.108.380	303.924.891	7.479.978.660
Phương tiện vận tải	6.361.451.873	2.737.247.549	3.492.742.898	5.605.956.524
Thiết bị, dụng cụ quản lý	827.570.496	41.423.968	-	868.994.464
Cộng	22.931.505.995	3.403.113.227	3.840.001.118	22.494.618.104
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	220.000.001			-
Máy móc, thiết bị	2.748.012.697			2.517.141.026
Phương tiện vận tải	13.462.082.673			12.143.329.912
Thiết bị, dụng cụ quản lý	136.604.297			95.180.329
Cộng	16.566.699.668			14.755.651.267

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.580.329.504 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	2.174.730.000	-	-	2.174.730.000
Cộng	86.197.204.623	-	-	86.197.204.623
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm	1.075.036.682	282.443.508	-	1.357.480.190
Cộng	1.075.036.682	282.443.508	-	1.357.480.190
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	1.099.693.318			817.249.810
Cộng	85.122.167.941			84.839.724.433

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 491.585.000 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua bản quyền phần mềm	68.500.000	68.500.000
- Chi phí khảo sát công trình trên đất Nguyễn Xi	868.600.660	154.545.455
Cộng	937.100.660	223.045.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng
a) - Công ty con	887.256.000	(*)	(4.143.549)	689.080.000	(*)	-
b) - Công ty liên kết, liên doanh	26.000.000	(*)	-	26.000.000	(*)	-
c) - Góp vốn vào đơn vị khác	112.200.000	(*)	(264.985)	153.000.000	(*)	-
d) - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	147.000.000	(*)	-	177.437.924	(*)	-
Cộng	1.172.456.000		(4.408.534)	1.045.517.924		-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi chưa niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

a) Đầu tư vào công ty con	Số lượng cổ phần đăng ký nắm giữ	Tỷ lệ đăng ký vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2024	
Tên công ty					
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	(11.1)	14.400.000	96,00%	96,00%	144.000.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	(11.2)	6.240.000	52,00%	52,00%	90.400.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	(11.3)	22.200.000	96,52%	96,52%	327.680.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	(11.4)	10.800.000	90,00%	90,00%	108.000.000.000
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	(11.5)	5.700.000	95,00%	95,00%	57.000.000.000
- Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	(11.6)	11.880.000	99,00%	99,00%	121.176.000.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	(11.7)	1.950.000	39,00%	99,00%	39.000.000.000
Cộng					887.256.000.000
b) Đầu tư vào công ty liên kết					
- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương		2.600.000	20,00%	20,00%	26.000.000.000
Cộng					26.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Công Ty Cổ phần Dasonmotors		11.220.000	11,00%	11,00%	112.200.000.000
Cộng					112.200.000.000

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, ngoại trừ Công ty CP City Auto Vũng Tàu đang trong giai đoạn triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động kinh doanh chính thức.

(11.1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 17/1/2024, Công ty CP City Auto đầu tư vào Công ty CP ô tô Phú Mỹ là 144 tỷ đồng, tương đương 96,00% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư 144 tỷ đồng, tương đương 96,00% vốn điều lệ.

(11.2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 06/11/2024, Công ty CP City Auto đầu tư vào Công ty CP ô tô Nha Trang là 90,4 tỷ đồng, tương đương 52,00% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư 90,4 tỷ đồng, tương đương 52,00% vốn điều lệ.

(11.3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 26/7/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(11.4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316681972 ngày 07/7/2021, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP Auto Tân Thuận là 108 tỷ đồng, tương đương 90,00% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư 108 tỷ đồng, tương đương 90,00% vốn điều lệ.

(11.5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/9/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng, tương đương 95,00% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư 57 tỷ đồng, tương đương 95,00% vốn điều lệ.

(11.6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317906770 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 11.880.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 121.176.000.000 đồng, tương đương 99,00% vốn điều lệ.

(11.7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401098455 ngày 30/05/2022, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên từ cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 39.000.000.000 đồng, tương đương 39,00% vốn điều lệ. Trong đó:

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,2%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 31,20%.

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty CP City Auto trong Công ty CP Ô tô Phú Yên là 99,00%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 60,00%.

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Đức Hòa	-	30.437.923.639
Công ty Cổ phần Daf Group	(11.8) 147.000.000.000	147.000.000.000
Cộng	147.000.000.000	177.437.923.639

(11.8) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	347.250.790	347.250.790	4.114.000	4.114.000
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	7.922.419.138	7.922.419.138	8.600.000	8.600.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (bên liên quan)	2.187.225.894	2.187.225.894	-	-
- Công Ty Cổ Phần Auto Bình Phước (bên liên quan)	120.000	120.000	-	-
- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)	5.991.210	5.991.210	-	-
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	534.591.315	534.591.315	-	-
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	1.231.473.014	1.231.473.014	5.260.540.194	5.260.540.194
- Công Ty Cổ Phần Easy Car	1.034.198.151	1.034.198.151	2.639.874.035	2.639.874.035
- Công ty Cổ phần Trident Auto	9.515.520.004	9.515.520.004	-	-
- Các đối tượng khác	8.637.644.654	8.637.644.654	6.719.867.817	6.719.867.817
Cộng	31.416.434.170	31.416.434.170	14.632.996.046	14.632.996.046

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)		-	14.728.645.394
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu		-	56.995.000.000
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)		4.634.203.138	7.193.694.111
Cộng		4.634.203.138	78.917.339.505

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước				
a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	- Thuế GTGT phải nộp	184.951.578	323.085.475.133	319.221.241.566
- Thuế TNDN	404.706.772	5.768.404.951	404.706.772	5.768.404.951
- Thuế TNCN	360.650.955	1.860.703.601	1.794.177.847	427.176.709
- Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	950.309.305	330.725.583.685	321.431.126.185	10.244.766.805

b) Phải thu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	11.512.453.732	299.195.988.920	310.678.092.291
Cộng	11.512.453.732	299.195.988.920	310.678.092.291	30.350.361

15. Chi phí phải trả ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam		1.098.090.869	1.236.129.763
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu		2.452.281	873.972.475
- Chi phí phải trả khác		5.455.150.807	4.501.894.740
Cộng		6.555.693.957	6.611.996.978

16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		7.760.966.044	18.821.093.702
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		328.333.710	-
- Kinh phí công đoàn		52.027.960	-
- Tài sản thừa chờ xử lý		620.439.676	606.145.005
- Phải trả Công ty CP Auto Tân Thuận (bên liên quan)		1.802.000.000	1.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Auto Bình Phước (bên liên quan)		31.080.939	10.459.260.939
- Chi hệ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam		400.020.425	3.367.210.470
- Phải trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát		-	264.000.000
- Các khoản phải trả khác		4.527.063.334	3.124.477.288
b) Dài hạn		8.800.000.000	33.000.000.000
- Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bào Long		-	33.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Auto Bình Phước (bên liên quan)		8.800.000.000	-
Cộng		16.560.966.044	51.821.093.702

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

17. Vay và nợ thuê tài chính		Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
(a) Ngắn hạn		774.336.544.068	2.824.423.917.440	2.860.211.187.140	748.549.274.368
- NH Ngoại thương	(17.1)	190.955.392.000	351.158.346.000	421.229.654.000	120.884.084.000
- NH Đầu tư và Phát triển	(17.2)	179.759.623.000	455.402.212.250	479.764.645.250	155.397.190.000
- NH HSBC		83.386.321.568	22.491.484.449	105.877.806.017	-
- NH Quốc tế		81.947.633.500	99.969.247.500	181.916.881.000	-
- NH Việt Nam Thịnh Vượng	(17.3)	23.606.494.000	346.383.501.322	325.682.379.322	44.307.616.000
- NH Bangkok đại chúng TNHH	(17.4)	130.000.000.000	520.000.000.000	520.000.000.000	130.000.000.000
- NH TMCP Đông Nam Á - SeABank	(17.5)	34.681.080.000	74.809.000.000	109.490.080.000	-
- NH First Bank	(17.6)	-	345.000.000.000	230.000.000.000	115.000.000.000
- NH Bảo Việt	(17.7)	-	104.364.249.500	87.712.577.999	16.651.671.501
- NH ACB	(17.8)	-	193.936.648.000	141.705.224.000	52.231.424.000
- NH Quân Đội	(17.9)	-	125.775.905.600	115.104.156.600	10.671.749.000
- NH PG Bank	(17.10)	-	185.133.322.819	141.727.782.952	43.405.539.867
- Nợ dài hạn đến hạn trả		50.000.000.000			60.000.000.000
(b) Dài hạn		250.000.000.000	50.000.000.000	100.000.000.000	190.000.000.000
- Trái phiếu phát hành		50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- NH Tiên Phong	(17.11)	250.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	250.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(50.000.000.000)			(60.000.000.000)
Cộng		1.024.336.544.068	2.874.423.917.440	2.960.211.187.140	938.549.274.368

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/KHDN/24/HMCV ngày 17/5/2024 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2024/11402179/HĐTD ngày 23/9/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 91/2024/11402179/HĐTD ngày 15/11/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

(17.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1928-01 ngày 29/01/2024 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, số tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô và phụ tùng ô tô thương hiệu Ford. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

(17.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng First Commercial Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30230281 ngày 16/01/2024 với hạn mức vay là 115 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.

- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0152-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 17/7/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm:

- Xe ô tô mới nhãn hiệu Ford hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ được mua trực tiếp Công ty TNHH Ford Việt Nam.

- Hàng hóa xe ô tô mới tồn kho có thời hạn không quá 12 tháng, chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0091-2024-HĐTC1-BVB003 ngày 17/7/2024.

- Tiền ký quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng khách hàng và/hoặc bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.2333.020724 ngày 17/7/2024 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: tài trợ đại lý nhà phân phối Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng là Lô xe ô tô Ford mới 100% là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 250 tỷ đồng.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.3382.271124 ngày 26/12/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 17/7/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi; chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 375 tỷ đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 228839.24.103.2711499.TD ngày 19/7/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến 10/7/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô Ford mới 100%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: ký quỹ tại MB, tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải, hàng hóa là lô xe hình thành từ phương án MB tài trợ và/hoặc hàng hóa là lô xe ô tô Ford hiện hữu thuộc sở hữu của công ty, quyền đòi nợ.

(17.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo hợp đồng cấp tín dụng số 441/2024/0053/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 20/8/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe demo thời hạn không quá 5 năm và xe ô tô nhãn hiệu Ford được hình thành từ vốn vay và được phân phối bởi Công ty TNHH Ford Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(17.11) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HDBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Năm 2024	Năm 2023
Số dư đầu năm	722.578.455	1.713.846.454
Giảm do chi quỹ	(417.645.440)	(991.267.999)
Số dư cuối năm	304.933.015	722.578.455

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2023	Tăng	Giảm	31/12/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	133.789.210.000	-	893.964.630.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	19.004.385.000	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	96.809.981.705	86.001.662.994	95.780.440.000	87.031.204.699
Cộng	860.137.883.505	238.795.257.994	95.780.440.000	1.003.152.701.499

	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu	893.964.630.000	62.573.960.000	-	956.538.590.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.004.385.000	-	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	87.031.204.699	82.730.266.997	62.573.960.000	107.187.511.696
Cộng	1.003.152.701.499	145.304.226.997	62.573.960.000	1.085.882.968.496

b) Lợi nhuận chưa phân phối	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	87.031.204.699	96.809.981.705
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	82.730.266.997	86.001.662.994
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	(62.573.960.000)	(95.780.440.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	107.187.511.696	87.031.204.699

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 19 ngày 23/12/2024 là 956.538.590.000 đồng tương đương 95.653.859 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.653.859	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	95.653.859	89.396.463
+ Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.653.859	89.396.463
+ Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	89.396.463
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a) Doanh thu**

	Năm 2024	Năm 2023
- Doanh thu bán hàng hoá	3.047.963.954.885	2.886.723.447.469
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	170.292.797.604	177.062.480.771

Cộng

	3.218.256.752.489	3.063.785.928.240
--	--------------------------	--------------------------

Các khoản giảm trừ

Hàng bán bị trả lại

	69.623.524.023	102.744.872.136
--	----------------	-----------------

Chiết khấu thương mại

	511.509.092	57.454.545
--	-------------	------------

Cộng doanh thu thuần

	3.148.121.719.374	2.960.983.601.559
--	--------------------------	--------------------------

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán xe

	2.953.906.250.632	2.764.339.663.322
--	-------------------	-------------------

Doanh thu bán phụ tùng

	23.931.788.798	19.592.221.466
--	----------------	----------------

Doanh thu cung cấp dịch vụ

	164.915.216.284	172.116.126.512
--	-----------------	-----------------

Doanh thu khác

	5.368.463.660	4.935.590.259
--	---------------	---------------

Cộng

	3.148.121.719.374	2.960.983.601.559
--	--------------------------	--------------------------

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

- Công ty CP Ô tô Phú Mỹ

	231.439.145.724	316.123.661.550
--	-----------------	-----------------

- Công ty CP Ô tô Nha Trang

	18.741.395.393	11.539.348.459
--	----------------	----------------

- Công ty CP Auto Trường Chinh

	10.956.872.723	21.286.609.090
--	----------------	----------------

- Công ty CP Auto Tân Thuận

	249.816.876.012	14.610.178.181
--	-----------------	----------------

- Công ty CP Ô tô Phú Yên

	-	425.711.680
--	---	-------------

- Công ty CP Auto Bình Phước

	50.513.250	-
--	------------	---

- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương

	1.174.320.221	75.885.236.481
--	---------------	----------------

- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô

	42.562.006.717	75.885.236.481
--	----------------	----------------

Cộng

	554.741.130.040	515.755.981.922
--	------------------------	------------------------

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn xe đã bán

	Năm 2024	Năm 2023
	2.867.899.688.789	2.672.850.519.448

- Giá vốn hàng hóa đã bán

	18.228.277.334	14.069.585.486
--	----------------	----------------

- Giá vốn dịch vụ cung cấp

	97.475.931.287	103.363.045.132
--	----------------	-----------------

Cộng

	2.983.603.897.410	2.790.283.150.066
--	--------------------------	--------------------------

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng

	1.833.799.089	809.268.912
--	---------------	-------------

- Lãi từ khoản ký quỹ

	55.397.613.276	36.562.635.793
--	----------------	----------------

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

	48.900.490.392	58.031.271.056
--	----------------	----------------

- Lãi từ đầu tư

	45.100.000.000	13.082.363.781
--	----------------	----------------

- Lãi chênh lệch tỷ giá

	-	176.410
--	---	---------

Cộng

	151.231.902.757	108.485.715.952
--	------------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2024	Năm 2023
4. Chi phí hoạt động tài chính		
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	75.316.222.403	55.597.405.332
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	144.846	36.382.650
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	4.408.534.440	-
Cộng	79.724.901.689	55.633.787.982
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	45.136.553.869	43.406.485.562
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.247.333.490	3.739.018.165
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.266.123.837	7.602.955.322
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	56.223.383.039	33.902.039.715
- Chi phí bằng tiền khác	2.178.665.026	26.748.596.633
Cộng	117.052.059.261	115.399.095.397
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	14.648.108.186	14.135.955.926
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.430.585.333	1.060.323.101
- Chi phí khấu hao TSCĐ	438.223.245	471.475.225
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	(3.570.151.900)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.075.210.445	16.320.429.591
- Chi phí bằng tiền khác	1.903.543.376	2.299.092.898
Cộng	36.495.670.585	30.717.124.841
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	2.527.085.196	1.079.804.913
- Thu từ các chương trình thưởng từ Ford Việt Nam	7.262.327.045	7.779.530.200
- Thu nhập khác	3.118.150.783	333.893.287
Cộng	12.907.563.024	9.193.228.400
8. Chi phí khác		
- Chi phí phạt nộp chậm thuế, truy thu thuế	6.355.347.956	-
- Chi phí khác	530.636.306	223.017.859
Cộng	6.885.984.262	223.017.859
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	88.498.671.948	86.406.369.766
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.070.013.221	1.768.803.382
Trừ: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(18.826.170.022)	(24.550.216.334)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(48.900.490.392)	(61.601.422.956)
Thu nhập chịu thuế ước tính	28.842.024.755	2.023.533.858
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	28.842.024.755	2.023.533.858
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	5.768.404.951	404.706.772
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.768.404.951	404.706.772

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	2.983.603.897.410	2.790.283.150.066
- Chi phí nhân công	59.784.662.055	57.542.441.488
- Chi phí khấu hao	3.685.556.735	4.210.493.350
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.341.334.282	23.923.384.913
- Chi phí khác	61.736.176.774	60.439.900.487
Cộng	3.137.151.627.256	2.936.399.370.304

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Công ty con
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

1. Bên liên quan là pháp nhân

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	231.439.145.724
		Mua hàng hóa, dịch vụ	186.599.507.673
		Cổ tức đã nhận	26.178.577.556
		Cổ tức được chia	19.300.690.392
		Doanh thu tài chính	200.000.000
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	18.741.395.393
		Mua hàng hóa, dịch vụ	15.773.473.808
		Cổ tức đã nhận	5.364.817.854
		Cổ tức được chia	5.928.000.000
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	10.956.872.723
		Mua hàng hóa, dịch vụ	5.119.322.363
		Cổ tức đã nhận	20.712.600.000
		Cổ tức được chia	20.712.600.000
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	249.816.876.012
		Mua hàng hóa, dịch vụ	275.987.987.523
		Chi phí tài chính	143.841.583
		Thu nhập khác	177.777.778
		Cổ tức được chia	2.959.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	50.513.250
		Mua hàng hóa, dịch vụ	11.320.045.453
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	7.000.000.000
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.174.320.221
		Mua hàng hóa, dịch vụ	5.505.750
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa, dịch vụ	42.562.006.717
		Mua hàng hóa, dịch vụ	122.416.110.216
		Nhận cung cấp dịch vụ	2.592.283.083

2. Bên liên quan là các thành viên quản lý

Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT/ Cố vấn điều hành	Thù lao	240.000.000
		Tiền lương	-
Ông Trần Lâm	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	60.000.000
		Tiền lương	70.920.000
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	60.000.000
		Tiền lương	464.559.000
Ông Trần Quang Trí	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	60.000.000

Ban Kiểm soát

Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban (đã miễn nhiệm trong năm)	Thù lao	18.000.000
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng ban	Thù lao	18.000.000
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên (đã miễn nhiệm trong năm)	Thù lao	18.000.000
Bà Trần Thị Én	Thành viên	Thù lao	18.000.000
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	Thù lao	36.000.000

c/ Số dư phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu khách hàng	218.399.934
		Phải thu khác	20.031.572.772
		Phải trả người bán	347.250.790
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu khách hàng	1.583.604.433
		Phải trả người bán	2.187.225.894
		Phải thu khác	5.348.595.214
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Phải thu khác	7.812.692.435
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Phải thu khách hàng	1.682.785.935
		Phải thu khác	3.528.349.500
		Phải trả người bán	7.922.419.138
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con	Phải trả khác	1.802.000.000
		Phải thu khách hàng	300.000.000
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết	Phải thu khác	3.167.130.686
		Phải thu khách hàng	1.279.654.289
		Phải trả người bán	5.991.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan	Phải trả khác	8.831.080.939
		Phải thu khách hàng	7.955.010
		Phải trả người bán	120.000
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu khách hàng	11.007.048.336
		Phải trả người bán	534.591.315
		Trả trước người bán	300.000.000
		Chi phí phải trả	170.721.480
		Phải thu khác	300.000.000

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận năm 2024

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	2.953.906.250.632	170.283.679.944	23.931.788.798	3.148.121.719.374
2. Giá vốn hàng bán	2.867.899.688.789	97.475.931.287	18.228.277.334	2.983.603.897.410
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	86.006.561.843	72.807.748.657	5.703.511.464	164.517.821.964
Tài sản không phân bổ				2.098.238.069.543
Tổng tài sản				2.098.238.069.543
Nợ phải trả không phân bổ				1.012.355.101.047
Tổng nợ phải trả				1.012.355.101.047

b. Báo cáo bộ phận năm 2023

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	2.764.339.663.322	177.051.716.771	19.592.221.466	2.960.983.601.559
2. Giá vốn hàng bán	2.672.850.519.448	103.363.045.132	14.069.585.486	2.790.283.150.066
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	91.489.143.874	73.688.671.639	5.522.635.980	170.700.451.493
Tài sản không phân bổ				2.185.232.904.203
Tổng tài sản				2.185.232.904.203
Nợ phải trả không phân bổ				1.182.080.202.704
Tổng nợ phải trả				1.182.080.202.704

3. Thông tin về hoạt động liên tục


Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO


Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Phú
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



H.H.
H.H.